

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 16-5-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Châu Văn Bảy

- Bà Mai Thị Nhắc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-DS, ngày 28/11/2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXX – ST, ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp Tân Phú Đông A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà C, ông T và bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2023 và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2024 của nguyên đơn bà Phạm Thị C, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của bà Huỳnh Thị Kim C có nội dung:

Bà Phạm Thị C yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 cùng ông Đoàn Minh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tài sản còn thiếu là:

- Tiền nợ gốc: 60.000.000 đồng.

- Không yêu cầu tính lãi.

Lý do yêu cầu: Ngày 25/02/2023 âm lịch, bà C có thỏa thuận cho bà T1 vay số tiền 60.000.000 đồng, để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay là 01 tháng,

không tính lãi. Bà T1 có ký tên xác nhận vào giấy nhận nợ. Do đã quá hạn trả, bà C nhiều lần đề nghị nhưng bà T1 không thanh toán nên bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T1, ông T liên đới trả nợ vay.

- Bị đơn ông Đoàn Minh T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2024:

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị T1, có đăng ký kết hôn theo quy định. Hằng ngày ông đi làm, còn bà T1 đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông không đồng ý yêu cầu của bà C vì ông không biết gì về khoản vay này cũng không có ký tên vay tiền. Khi bà C xuống nhà đòi nợ thì ông mới biết. Ông xác định là bà T1 có nợ của bà C số tiền là 60.000.000 đồng do bà T1 có nói với ông, thừa nhận là có vay tiền của bà C và có hứa với ông sẽ đi làm trả nợ cho bà C. “Giấy mượn tiền” ngày 25/02/2023 thì ông nhìn thấy nét chữ, chữ viết và chữ ký là giống với nét chữ và chữ ký thường ngày của bà T1.

Về kinh tế gia đình, trong nhà có 03 thành viên là vợ chồng ông và con gái, mỗi người tự đi làm, tự sống. Nhà cửa do cả gia đình cùng làm kinh tế xây dựng lên. Lúc bà T1 còn ở nhà cũng cùng làm kinh tế, chăm lo cho gia đình (làm nghề đan ghê), còn ông và con gái thì đi làm thuê về chung lo gia đình chung. Sau đó, bà T1 đan ghê bị vỡ nợ nên đi làm thuê, tránh một số vấn đề về nợ.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị T1 vắng mặt theo giấy triệu tập nên không có bản khai, không lấy lời khai được nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đại diện nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông T và bà T1 liên đới trả tiền vay tài sản còn thiếu là 60.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Phạm Thị C, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; trong đó xác định bà Phạm Thị C là nguyên đơn (Do bà Huỳnh Thị Kim C đại diện theo ủy quyền); Ông Đoàn Minh T và bà Huỳnh Thị T1 là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của bà Huỳnh Thị Kim C tại phiên tòa, có đơn xin vắng; ông Đoàn Minh T và bà Huỳnh Thị T1 đã triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên

toà, không có đơn xin vắng nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về số tiền vay tài sản 60.000.000 đồng mà bà Phạm Thị C yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình lấy lời khai, ông T cho rằng không trực tiếp giao dịch, nhận tiền, không liên quan đến số tiền bà C khởi kiện nhưng thừa nhận bà T1 có nói cho ông biết có vay và thừa nhận thiếu số tiền 60.000.000 đồng của bà C. Ông T cũng cho rằng đối với “Giấy mượn tiền” ngày 25/02/2023 thì ông nhìn thấy nét chữ, chữ viết và chữ ký là giống với nét chữ và chữ ký thường ngày của bà T1. Đối với bà T1, quá trình xác minh tại địa phương và qua lời thừa nhận của ông T thì hiện nay bà T1 không có ở địa phương. Ông T cho rằng bà T1 bị vỡ nợ nên đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, gia đình có liên lạc được với bà T1 qua điện thoại. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ theo quy định tuy nhiên bà T1 không đến Toà, cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Toà về việc bà C khởi kiện. Bà T1 rời khỏi địa phương nhưng không thông báo cho bà C được biết. Điều đó cho thấy bà T1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với bà C.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ căn cứ xác định có việc bà T1 trực tiếp vay của bà C số tiền 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, thấy rằng mặc dù ông T không trực tiếp tham gia giao dịch vay tiền và không thừa nhận trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả nợ nhưng qua lời trình bày của ông T thấy rằng giữa ông T và bà T1 tồn tại mối quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình bà T1 vay tiền được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, trong lúc vợ chồng còn sống chung, cùng làm kinh tế chung để lo cho gia đình. Do đó, mặc dù khoản vay do bà T1 thực hiện nhưng được xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T và bà T1 liên đới trả tiền còn thiếu cho bà C với số tiền là 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về số tiền lãi chậm trả đến thời điểm xét xử, bà Phạm Thị C không yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

Đối với tiền lãi của số tiền phải trả trong giai đoạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Ông T, bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc yêu cầu ông Đoàn Minh T và bà Huỳnh Thị T1 liên đới trả tiền vay tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Đoàn Minh T và bà Huỳnh Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị C tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả tiền): 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), ông Đoàn Minh T và bà Huỳnh Thị T1 có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002207 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho bà Phạm Thị C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng